

**DANH SÁCH CA THI, PHÒNG THI, SỐ BÁO DANH DỰ THI - VÒNG 1**  
**KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP THUỘC QUẬN HOÀNG MAI - NĂM 2024**  
(Kèm theo Thông báo số....39.../TB-HĐTD ngày ..23./9/2024 của HĐTD viên chức quận Hoàng Mai)

| Ca thi số | Phòng thi số | TT | Số báo danh | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu thường trú      | Trình độ đào tạo | Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo                    | CDNN đăng ký thi tuyển | Môn đăng ký thi tuyển | Trường đăng ký thi tuyển | Điện ưu tiên | Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ) |
|-----------|--------------|----|-------------|-----------------------|-----------------------|-----------|-------------------------|------------------|----------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------|------------------------------|
| 2         | 01           | 1  | VC0275      | Nguyễn Thị Thanh Hằng | 22/11/1995            | Nữ        | Thụy Lâm, Đông Anh      | ĐH               | Sư phạm Tiếng Anh                                  | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Mai Động            |              | MNN                          |
| 2         | 01           | 2  | VC0276      | Nguyễn Thị Thu Hằng   | 10/10/1999            | Nữ        | Hữu Hòa, Thanh Trì      | ĐH               | Sư phạm Tiếng Anh                                  | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Linh Đàm            |              | MNN                          |
| 2         | 01           | 3  | VC0277      | Nguyễn Thị Thu Hằng   | 18/10/1993            | Nữ        | Kim Sơn, Gia Lâm        | ĐH               | Ngôn ngữ Anh + CCSP                                | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Linh Đàm            |              | MNN                          |
| 2         | 01           | 4  | VC0278      | Phạm Thu Hằng         | 09/5/1992             | Nữ        | Điện Biên, Ba Đình      | ĐH, Ths          | Ngôn ngữ Anh; LLPP dạy học bộ môn Tiếng Anh + CCSP | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Linh Đàm            |              | MNN                          |
| 2         | 01           | 5  | VC0279      | Vương Thị Hằng        | 06/02/1989            | Nữ        | Hoàng Liệt, Hoàng Mai   | ĐH               | Tiếng Anh + CCSP                                   | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Đại Kim             |              | MNN                          |
| 2         | 01           | 6  | VC0280      | Nguyễn Thanh Hiền     | 15/12/2002            | Nữ        | Lào Cai                 | ĐH               | Sư phạm Tiếng Anh                                  | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Hoàng Mai           |              | MNN                          |
| 2         | 01           | 7  | VC0281      | Nguyễn Thị Thu Hiền   | 20/9/1999             | Nữ        | Đỗ Động, Thanh Oai      | ĐH               | Sư phạm Tiếng Anh                                  | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Hoàng Liệt          |              | MNN                          |
| 2         | 01           | 8  | VC0282      | Nguyễn Thu Hiền       | 23/3/2000             | Nữ        | Thái Bình               | ĐH               | Ngôn ngữ Anh + CCSP                                | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Linh Đàm            |              | MNN                          |
| 2         | 01           | 9  | VC0283      | Mai Thị Hiệp          | 06/10/1983            | Nữ        | Kim Chung, Hoài Đức     | ĐH               | Tiếng Anh + CCSP                                   | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Đại Kim             |              | MNN                          |
| 2         | 01           | 10 | VC0284      | Lưu Tuyết Hoa         | 22/3/1999             | Nữ        | Tả Thanh Oai, Thanh Trì | ĐH               | Ngôn ngữ Anh + CCSP                                | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Đại Kim             |              | MNN                          |
| 2         | 01           | 11 | VC0285      | Nguyễn Thị Hoa        | 19/3/1998             | Nữ        | Tân Minh, Sóc Sơn       | ĐH               | Sư phạm Tiếng Anh                                  | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Đại Kim             |              | MNN                          |
| 2         | 01           | 12 | VC0286      | Nguyễn Thị Kim Huệ    | 20/12/2001            | Nữ        | Bắc Sơn, Sóc Sơn        | ĐH               | Sư phạm Tiếng Anh                                  | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Đại Kim             |              | MNN                          |
| 2         | 01           | 13 | VC0287      | Phạm Thị Bích Huệ     | 24/4/2001             | Nữ        | Bắc Ninh                | ĐH               | Sư phạm Tiếng Anh                                  | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Tân Mai             |              | MNN                          |

*(Chữ ký)*

| Ca<br>thi số | Phòng<br>thi số | TT | Số báo<br>danh | Họ và tên           | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Hộ khẩu thường<br>trú        | Trình<br>độ<br>đào tạo | Ngành hoặc chuyên<br>ngành đào tạo                     | CDNN<br>đăng ký<br>thi tuyển | Môn đăng<br>ký thi<br>tuyển | Trường đăng ký<br>thi tuyển | Điện<br>ưu<br>tiên | Ghi chú<br>(Miễn thi<br>Ngoại ngữ) |
|--------------|-----------------|----|----------------|---------------------|-----------------------------|--------------|------------------------------|------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--------------------|------------------------------------|
| 2            | 01              | 14 | VC0288         | Đỗ Thuý Huyền       | 13/6/1994                   | Nữ           | Ninh Bình                    | ĐH                     | Ngôn ngữ Anh + CCSP                                    | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Đại Kim                |                    | MNN                                |
| 2            | 01              | 15 | VC0289         | Nguyễn Khánh Huyền  | 26/11/1999                  | Nữ           | Sài Đồng, Long<br>Biển       | ĐH                     | Ngôn ngữ Anh + CCSP                                    | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Hoàng Mai              |                    | MNN                                |
| 2            | 01              | 16 | VC0290         | Nguyễn Thu Huyền    | 01/8/1998                   | Nữ           | Phú Thọ                      | ĐH,<br>Ths             | Sư phạm Tiếng Anh;<br>LLPP dạy học bộ môn<br>Tiếng Anh | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Linh Đàm               |                    | MNN                                |
| 2            | 01              | 17 | VC0291         | Đinh Thị Hương      | 28/6/1987                   | Nữ           | Trương Định,<br>Hai Bà Trưng | ĐH                     | Ngôn ngữ Anh + CCSP                                    | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Linh Đàm               |                    | MNN                                |
| 2            | 01              | 18 | VC0292         | Đồng Thị Thúy Hường | 27/01/1998                  | Nữ           | Khuong Đình,<br>Thanh Xuân   | ĐH                     | Ngôn ngữ Anh + CCSP                                    | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Đại Kim                |                    | MNN                                |
| 2            | 01              | 19 | VC0293         | Lê Thị Lan          | 26/10/2000                  | Nữ           | Xuân Canh,<br>Đông Anh       | ĐH                     | Ngôn ngữ Anh + CCSP                                    | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Mai Động               |                    | MNN                                |
| 2            | 01              | 20 | VC0294         | Nguyễn Thúy Lan     | 09/12/1999                  | Nữ           | Hoàng Văn Thụ,<br>Hoàng Mai  | ĐH                     | Sư phạm Tiếng Anh                                      | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Định Công              |                    | MNN                                |
| 2            | 01              | 21 | VC0295         | Đàm Diệu Linh       | 07/11/2002                  | Nữ           | Hà Nam                       | ĐH                     | Sư phạm Tiếng Anh                                      | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Vĩnh Hưng              |                    | MNN                                |
| 2            | 01              | 22 | VC0296         | Đào Nhật Linh       | 20/12/1999                  | Nữ           | Bát Tràng, Gia<br>Lâm        | ĐH                     | Sư phạm Tiếng Anh                                      | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Yên Sở                 |                    | MNN                                |
| 2            | 02              | 1  | VC0297         | Đinh Thị Thu Linh   | 28/8/1989                   | Nữ           | Ngũ Hiệp, Thanh<br>Trì       | ĐH,<br>Ths             | Sư phạm Tiếng Anh;<br>LLPP giảng dạy Tiếng<br>Anh      | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Linh Đàm               |                    | MNN                                |
| 2            | 02              | 2  | VC0298         | Đỗ Quỳnh Linh       | 23/6/1996                   | Nữ           | Nghĩa Đô, Cầu<br>Giấy        | ĐH                     | Sư phạm Tiếng Anh                                      | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Hoàng Liệt             |                    | MNN                                |
| 2            | 02              | 3  | VC0299         | Đỗ Thị Linh         | 08/3/1988                   | Nữ           | Lĩnh Nam,<br>Hoàng Mai       | ĐH                     | Sư phạm Tiếng Anh                                      | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Vĩnh Hưng              |                    | MNN                                |
| 2            | 02              | 4  | VC0300         | Hà Yến Linh         | 10/8/2002                   | Nữ           | Khuong Mai,<br>Thanh Xuân    | ĐH                     | Sư phạm Tiếng Anh                                      | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Linh Đàm               |                    | MNN                                |
| 2            | 02              | 5  | VC0301         | Lê Hương Linh       | 19/3/1990                   | Nữ           | Tân Triều, Thanh<br>Trì      | ĐH                     | Tiếng Anh + CCSP                                       | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Đại Kim                |                    | MNN                                |
| 2            | 02              | 6  | VC0302         | Lê Thùy Linh        | 16/12/1990                  | Nữ           | Tân Mai, Hoàng<br>Mai        | ĐH                     | Ngôn ngữ Anh, CDSP<br>Tiếng Anh                        | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Yên Sở                 |                    | MNN                                |

| Ca<br>thi số | Phòng<br>thi số | TT | Số báo<br>danh | Họ và tên              | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Hộ khẩu thường<br>trú      | Trình<br>độ<br>đào tạo | Ngành hoặc chuyên<br>ngành đào tạo                               | CDNN<br>đăng ký<br>thi tuyển | Môn đăng<br>ký thi<br>tuyển | Trường đăng ký<br>thi tuyển | Điện<br>ưu<br>tiên | Ghi chú<br>(Miễn thi<br>Ngoại ngữ) |
|--------------|-----------------|----|----------------|------------------------|-----------------------------|--------------|----------------------------|------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--------------------|------------------------------------|
| 2            | 02              | 7  | VC0303         | Nghiêm Thị Khánh Linh  | 09/10/1997                  | Nữ           | Đại Kim, Hoàng Mai         | ĐH                     | Ngôn ngữ Anh + CCSP                                              | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Đại Kim                |                    | MNN                                |
| 2            | 02              | 8  | VC0304         | Nguyễn Diệu Linh       | 05/5/1998                   | Nữ           | Tây Mỗ, Nam Từ Liêm        | ĐH,<br>Ths             | Ngôn ngữ Anh + CCSP;<br>Giảng dạy Tiếng Anh<br>như một ngoại ngữ | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Đại Kim                |                    | MNN                                |
| 2            | 02              | 9  | VC0305         | Nguyễn Dịu Linh        | 18/8/1999                   | Nữ           | Vĩnh Hưng,<br>Hoàng Mai    | ĐH                     | Sư phạm Tiếng Anh                                                | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Vĩnh Hưng              |                    | MNN                                |
| 2            | 02              | 10 | VC0306         | Nguyễn Khánh Linh      | 23/6/1998                   | Nữ           | Mai Động,<br>Hoàng Mai     | Ths                    | Ngôn ngữ học ứng dụng<br>và giảng dạy Tiếng Anh                  | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Mai Động               |                    | MNN                                |
| 2            | 02              | 11 | VC0307         | Nguyễn Ngọc Khánh Linh | 14/12/2002                  | Nữ           | Nguyễn Trãi, Hà Đông       | ĐH                     | Sư phạm Tiếng Anh                                                | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Đại Kim                |                    | MNN                                |
| 2            | 02              | 12 | VC0308         | Nguyễn Thùy Linh       | 01/4/2002                   | Nữ           | Ninh Bình                  | ĐH                     | Sư phạm Tiếng Anh                                                | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Thanh Trì              |                    | MNN                                |
| 2            | 02              | 13 | VC0309         | Tổng Khánh Linh        | 21/5/2001                   | Nữ           | Gia Lai                    | ĐH                     | Sư phạm Tiếng Anh                                                | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Đại Kim                |                    | MNN                                |
| 2            | 02              | 14 | VC0310         | Trần Ngọc Linh         | 02/10/1996                  | Nữ           | Tứ Hiệp, Thanh Trì         | ĐH,<br>Ths             | Sư phạm Tiếng Anh;<br>Ngôn ngữ Anh                               | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Tân Định               |                    | MNN                                |
| 2            | 02              | 15 | VC0311         | Nguyễn Thị Thanh Loan  | 22/9/1995                   | Nữ           | Thượng Đình,<br>Thanh Xuân | ĐH                     | Sư phạm Tiếng Anh                                                | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Định Công              |                    | MNN                                |
| 2            | 02              | 16 | VC0312         | Nguyễn Thị Lựu         | 15/02/1988                  | Nữ           | Hoàng Liệt,<br>Hoàng Mai   | ĐH,<br>Ths             | Sư phạm Tiếng Anh;<br>LLPP dạy học bộ môn<br>Tiếng Anh           | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Hoàng Liệt             |                    | MNN                                |
| 2            | 02              | 17 | VC0313         | Ngô Hương Ly           | 30/6/1994                   | Nữ           | Xuân Thu, Sóc Sơn          | ĐH                     | Sư phạm Tiếng Anh                                                | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Mai Động               |                    | MNN                                |
| 2            | 02              | 18 | VC0314         | Vũ Thị Thu Lý          | 24/7/1992                   | Nữ           | Phương Liệt,<br>Thanh Xuân | ĐH                     | Sư phạm Tiếng Anh                                                | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Tân Mai                |                    | MNN                                |
| 2            | 02              | 19 | VC0315         | Bùi Ngọc Mai           | 01/8/2000                   | Nữ           | Nam Định                   | ĐH                     | Sư phạm Tiếng Anh                                                | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Đại Kim                |                    | MNN                                |
| 2            | 02              | 20 | VC0316         | Lương Ngọc Quỳnh Mai   | 27/4/1998                   | Nữ           | Phúc Xá, Ba Đình           | ĐH                     | Sư phạm Tiếng Anh                                                | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Hoàng Liệt             |                    | MNN                                |
| 2            | 02              | 21 | VC0317         | Nguyễn Thị Hiền Mai    | 27/11/1997                  | Nữ           | Thượng Đình,<br>Thanh Xuân | ĐH                     | Sư phạm Tiếng Anh                                                | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Đại Kim                |                    | MNN                                |

*Handwritten signature*

| Ca<br>thi số | Phòng<br>thi số | TT | Số báo<br>danh | Họ và tên            | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Hộ khẩu thường<br>trú | Trình<br>độ<br>đào tạo | Ngành hoặc chuyên<br>ngành đào tạo                               | CDNN<br>đăng ký<br>thi tuyển | Môn đăng<br>ký thi<br>tuyển | Trường đăng ký<br>thi tuyển | Diện<br>ưu<br>tiên | Ghi chú<br>(Miễn thi<br>Ngoại ngữ) |
|--------------|-----------------|----|----------------|----------------------|-----------------------------|--------------|-----------------------|------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--------------------|------------------------------------|
| 2            | 02              | 22 | VC0318         | Vũ Nguyễn Sao Mai    | 28/11/2001                  | Nữ           | Ninh Bình             | ĐH                     | Ngôn ngữ Anh + CCSP                                              | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Yên Sở                 |                    | MNN                                |
| 2            | 02              | 23 | VC0319         | Bùi Tuyết Minh       | 28/4/1994                   | Nữ           | Đại Yên, Chương Mỹ    | ĐH                     | Sư phạm Tiếng Anh                                                | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Linh Đàm               |                    | MNN                                |
| 2            | 02              | 24 | VC0320         | Nguyễn Trà My        | 20/01/1994                  | Nữ           | Kim Liên, Đống Đa     | ĐH                     | Sư phạm Tiếng Anh                                                | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Hoàng Mai              |                    | MNN                                |
| 2            | 02              | 25 | VC0321         | Bùi Thị Thanh Nga    | 20/3/1986                   | Nữ           | Hoàng Liệt, Hoàng Mai | ĐH                     | Tiếng Anh sư phạm                                                | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Linh Đàm               |                    | MNN                                |
| 2            | 02              | 26 | VC0322         | Nguyễn Thị Thanh Nga | 09/11/1987                  | Nữ           | Tứ Hiệp, Thanh Trì    | ĐH                     | Ngôn ngữ Anh + CCSP                                              | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Đại Kim                |                    | MNN                                |
| 2            | 02              | 27 | VC0323         | Phan Thị Thu Ngân    | 19/9/1998                   | Nữ           | Đường Lâm, Sơn Tây    | ĐH                     | Sư phạm Tiếng Anh                                                | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Tân Định               |                    | MNN                                |
| 2            | 02              | 28 | VC0324         | Lê Minh Ngọc         | 20/12/2001                  | Nữ           | Đại Kim, Hoàng Mai    | ĐH                     | Sư phạm Tiếng Anh                                                | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Đại Kim                |                    | MNN                                |
| 2            | 02              | 29 | VC0325         | Nguyễn Diệu Ngọc     | 05/5/1998                   | Nữ           | Tây Mỗ, Nam Từ Liêm   | ĐH, Ths                | Ngôn ngữ Anh + CCSP;<br>Giảng dạy Tiếng Anh<br>như một ngoại ngữ | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Linh Đàm               |                    | MNN                                |
| 2            | 02              | 30 | VC0326         | Nguyễn Minh Ngọc     | 26/9/2002                   | Nữ           | Yên Sở, Hoàng Mai     | ĐH                     | Sư phạm Tiếng Anh                                                | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Yên Sở                 | CTB                | MNN                                |
| 2            | 02              | 31 | VC0327         | Trần Bích Ngọc       | 04/8/2000                   | Nữ           | Ngũ Hiệp, Thanh Trì   | ĐH                     | Sư phạm Tiếng Anh                                                | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Linh Đàm               |                    | MNN                                |
| 2            | 02              | 32 | VC0328         | Vũ Bảo Ngọc          | 05/12/1987                  | Nữ           | Hoàng Liệt, Hoàng Mai | ĐH                     | Tiếng Anh + CCSP                                                 | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Linh Đàm               | CTB                | MNN                                |
| 2            | 02              | 33 | VC0329         | Phạm Thảo Nguyên     | 19/02/2002                  | Nữ           | Đồng Tân, Ứng Hòa     | ĐH                     | Sư phạm Tiếng Anh                                                | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Đại Kim                |                    | MNN                                |
| 2            | 02              | 34 | VC0330         | Lưu Thị Thanh Nhân   | 26/9/1999                   | Nữ           | Hữu Hòa, Thanh Trì    | ĐH                     | Ngôn ngữ Anh + CCSP                                              | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Định Công              |                    | MNN                                |
| 2            | 02              | 35 | VC0331         | Nguyễn Thị Nhân      | 03/02/1986                  | Nữ           | Thanh Liệt, Thanh Trì | Ths                    | Ngôn ngữ Anh, CĐSP<br>Tiếng Anh                                  | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Đại Kim                |                    | MNN                                |
| 2            | 02              | 36 | VC0332         | Nguyễn Thị Nhân      | 25/8/1989                   | Nữ           | Mai Động, Hoàng Mai   | ĐH                     | Ngôn ngữ Anh + CCSP                                              | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Mai Động               |                    | MNN                                |
| 2            | 02              | 37 | VC0333         | Cao Thị Yến Nhi      | 19/02/2002                  | Nữ           | Thanh Hóa             | ĐH                     | Sư phạm Tiếng Anh                                                | GV                           | Tiếng Anh                   | THCS Hoàng Liệt             |                    | MNN                                |

| Ca thi số | Phòng thi số | TT | Số báo danh | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu thường trú        | Trình độ đào tạo | Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo                  | CDNN đăng ký thi tuyển | Môn đăng ký thi tuyển | Trường đăng ký thi tuyển | Diện ưu tiên | Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ) |
|-----------|--------------|----|-------------|-----------------------|-----------------------|-----------|---------------------------|------------------|--------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------|------------------------------|
| 2         | 02           | 38 | VC0334      | Nguyễn Hoàng Vân Nhi  | 22/02/2000            | Nữ        | Yên Sở, Hoàng Mai         | ĐH               | Sư phạm Tiếng Anh                                | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Tân Định            |              | MNN                          |
| 2         | 03           | 1  | VC0335      | Nguyễn Hồng Nhung     | 25/10/2002            | Nữ        | Yên Mỹ, Thanh Trì         | ĐH               | Sư phạm Tiếng Anh                                | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Yên Sở              |              | MNN                          |
| 2         | 03           | 2  | VC0336      | Nguyễn Hồng Nhung     | 29/11/1996            | Nữ        | Trương Định, Hai Bà Trưng | ĐH               | Ngôn ngữ Anh, Sư phạm Lịch sử                    | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Hoàng Liệt          |              | MNN                          |
| 2         | 03           | 3  | VC0337      | Vương Hồng Nhung      | 08/01/1997            | Nữ        | Quang Trung, Hà Đông      | ĐH               | Ngôn ngữ Anh + CCSP                              | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Lĩnh Nam            |              | MNN                          |
| 2         | 03           | 4  | VC0338      | Nguyễn Thị Hồng Oanh  | 19/6/1991             | Nữ        | Lĩnh Nam, Hoàng Mai       | ĐH               | Sư phạm Tiếng Anh                                | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Lĩnh Nam            |              | MNN                          |
| 2         | 03           | 5  | VC0339      | Bùi Lan Phương        | 03/9/1988             | Nữ        | Văn Miếu, Đống Đa         | ĐH               | Ngôn ngữ Anh + CCSP                              | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Hoàng Liệt          |              | MNN                          |
| 2         | 03           | 6  | VC0340      | Đỗ Thị Phương         | 06/11/1988            | Nữ        | Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì     | ĐH               | Tiếng Anh, CĐSP Tiếng Anh                        | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Linh Đàm            |              | MNN                          |
| 2         | 03           | 7  | VC0341      | Ngô Minh Phương       | 04/11/2002            | Nữ        | Tứ Hiệp, Thanh Trì        | ĐH               | Sư phạm Tiếng Anh                                | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Linh Đàm            |              | MNN                          |
| 2         | 03           | 8  | VC0342      | Nguyễn Lê Thu Phương  | 12/7/1989             | Nữ        | Hòa Bình                  | ĐH, Ths          | Tiếng Anh sư phạm; LLPP dạy học bộ môn Tiếng Anh | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Đại Kim             |              | MNN                          |
| 2         | 03           | 9  | VC0343      | Nguyễn Mai Phương     | 13/02/1987            | Nữ        | Ô Chợ Dừa, Đống Đa        | ĐH               | Sư phạm Tiếng Anh                                | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Lĩnh Nam            |              | MNN                          |
| 2         | 03           | 10 | VC0344      | Trần Bảo Phương       | 29/11/2000            | Nữ        | Nghĩa Đô, Cầu Giấy        | ĐH               | Ngôn ngữ Anh + CCSP                              | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Linh Đàm            |              | MNN                          |
| 2         | 03           | 11 | VC0345      | Nguyễn Thị Tân Quyên  | 11/01/2001            | Nữ        | Bắc Giang                 | ĐH               | Sư phạm Tiếng Anh                                | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Yên Sở              |              | MNN                          |
| 2         | 03           | 12 | VC0346      | Dương Thị Mỹ Quỳnh    | 11/12/2002            | Nữ        | Ninh Bình                 | ĐH               | Sư phạm Tiếng Anh                                | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Hoàng Liệt          |              | MNN                          |
| 2         | 03           | 13 | VC0347      | Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh | 19/01/2002            | Nữ        | Cẩm Lĩnh, Ba Vì           | ĐH               | Sư phạm Tiếng Anh                                | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Linh Đàm            |              | MNN                          |
| 2         | 03           | 14 | VC0348      | Trần Thúy Quỳnh       | 23/3/1991             | Nữ        | Ngũ Hiệp, Thanh Trì       | ĐH               | Ngôn ngữ Anh + CCSP                              | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Linh Đàm            |              | MNN                          |
| 2         | 03           | 15 | VC0349      | Vũ Thị Như Quỳnh      | 22/02/1992            | Nữ        | Kim Giang, Thanh Xuân     | ĐH               | Sư phạm Tiếng Anh                                | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Đại Kim             |              | MNN                          |

| Ca thi số | Phòng thi số | TT | Số báo danh | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu thường trú        | Trình độ đào tạo | Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo                  | CDNN đăng ký thi tuyển | Môn đăng ký thi tuyển | Trường đăng ký thi tuyển | Diện ưu tiên | Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ) |
|-----------|--------------|----|-------------|----------------------|-----------------------|-----------|---------------------------|------------------|--------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------|------------------------------|
| 2         | 03           | 16 | VC0350      | Nguyễn Thị Thanh Tâm | 19/5/1986             | Nữ        | Cao Thành, Ứng Hòa        | ĐH               | Ngôn ngữ Anh + CCSP                              | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Đại Kim             |              | MNN                          |
| 2         | 03           | 17 | VC0351      | Nguyễn Thị Tuyết     | 16/4/1988             | Nữ        | Hữu Hòa, Thanh Trì        | ĐH               | Ngôn ngữ Anh + CCSP                              | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Đại Kim             |              | MNN                          |
| 2         | 03           | 18 | VC0352      | Phạm Lê Thanh        | 22/01/1996            | Nữ        | Nam Định                  | ĐH               | Sư phạm Tiếng Anh                                | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Linh Đàm            | CBB          | MNN                          |
| 2         | 03           | 19 | VC0353      | Trần Thị Thu Thảo    | 28/02/1993            | Nữ        | An Mỹ, Mỹ Đức             | ĐH               | Sư phạm Tiếng Anh                                | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Thanh Trì           |              | MNN                          |
| 2         | 03           | 20 | VC0354      | Trương Thị Hồng Thắm | 10/02/1987            | Nữ        | Yên Sở, Hoàng Mai         | ĐH               | Tiếng Anh + CCSP                                 | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Yên Sở              | CBB          | MNN                          |
| 2         | 03           | 21 | VC0355      | Đinh Đức Thiện       | 14/12/1997            | Nam       | Phượng Dực, Phú Xuyên     | ĐH               | Sư phạm Tiếng Anh                                | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Linh Đàm            |              | MNN                          |
| 2         | 03           | 22 | VC0356      | Hoàng Minh Anh Thơ   | 22/6/2002             | Nữ        | Hà Nam                    | ĐH               | Sư phạm Tiếng Anh                                | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Hoàng Liệt          |              | MNN                          |
| 2         | 03           | 23 | VC0357      | Trần Thị Thơm        | 12/7/1993             | Nữ        | Hà Nam                    | ĐH               | Sư phạm Tiếng Anh                                | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Hoàng Liệt          |              | MNN                          |
| 2         | 03           | 24 | VC0358      | Nguyễn Thị Thu       | 14/9/1997             | Nữ        | Hòa Bình, Thường Tín      | ĐH               | Sư phạm Tiếng Anh                                | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Hoàng Liệt          |              | MNN                          |
| 2         | 03           | 25 | VC0359      | Nhân Thị Phương Thu  | 06/12/1997            | Nữ        | Khương Mai, Thanh Xuân    | ĐH               | Ngôn ngữ Anh + CCSP                              | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Linh Đàm            |              | MNN                          |
| 2         | 03           | 26 | VC0360      | Phạm Thị Thu         | 02/3/1987             | Nữ        | Trương Thịnh, Ứng Hòa     | ĐH               | Sư phạm Tiếng Anh                                | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Tân Định            |              | MNN                          |
| 2         | 03           | 27 | VC0361      | Tổng Hoài Thu        | 26/01/1996            | Nữ        | Trương Định, Hai Bà Trưng | ĐH               | Sư phạm Tiếng Anh                                | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Tân Mai             |              | MNN                          |
| 2         | 03           | 28 | VC0362      | Đoàn Thị Phương Thùy | 23/7/1987             | Nữ        | Vĩnh Hưng, Hoàng Mai      | ĐH, Ths          | Tiếng Anh sư phạm; Ngôn ngữ Anh                  | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Yên Sở              |              | MNN                          |
| 2         | 03           | 29 | VC0363      | Nguyễn Thị Thùy      | 16/8/1996             | Nữ        | Thường Tín, Thường Tín    | ĐH               | Sư phạm Tiếng Anh                                | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Vĩnh Hưng           |              | MNN                          |
| 2         | 03           | 30 | VC0364      | Lê Bích Thùy         | 17/02/2000            | Nữ        | Thanh Lương, Hai Bà Trưng | ĐH               | Ngôn ngữ Anh + CCSP                              | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Đại Kim             |              | MNN                          |
| 2         | 03           | 31 | VC0365      | Lê Thị Thúy          | 01/10/1989            | Nữ        | Xuân Canh, Đông Anh       | ĐH, Ths          | Sư phạm Tiếng Anh; LLPP dạy học bộ môn Tiếng Anh | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Tân Định            |              | MNN                          |

| Ca thi số | Phòng thi số | TT | Số báo danh | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu thường trú       | Trình độ đào tạo | Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo           | CDNN đăng ký thi tuyển | Môn đăng ký thi tuyển | Trường đăng ký thi tuyển | Điện ưu tiên | Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ) |
|-----------|--------------|----|-------------|-----------------------|-----------------------|-----------|--------------------------|------------------|-------------------------------------------|------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------|------------------------------|
| 2         | 03           | 32 | VC0366      | Nông Hồng Thúy        | 26/9/1985             | Nữ        | Tô Hiệu, Thường Tín      | ĐH               | Sư phạm Tiếng Anh                         | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Linh Đàm            | DTTS         | MNN                          |
| 2         | 03           | 33 | VC0367      | Nguyễn Thị Ngọc Thúy  | 28/8/1989             | Nữ        | Hữu Hòa, Thanh Trì       | ĐH               | Sư phạm Tiếng Anh                         | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Linh Đàm            |              | MNN                          |
| 2         | 03           | 34 | VC0368      | Hoàng Thị Thương      | 30/10/2000            | Nữ        | Thanh Hóa                | ĐH               | Sư phạm Tiếng Anh                         | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Đại Kim             |              | MNN                          |
| 2         | 03           | 35 | VC0369      | Nguyễn Thảo Trà       | 01/7/1991             | Nữ        | Khuong Trung, Thanh Xuân | ĐH, Ths          | Sư phạm Tiếng Anh; LLPP dạy học Tiếng Anh | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Đại Kim             |              | MNN                          |
| 2         | 03           | 36 | VC0370      | Dương Thu Trang       | 15/8/2002             | Nữ        | Phú Xuyên, Phú Xuyên     | ĐH               | Sư phạm Tiếng Anh                         | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Hoàng Liệt          |              | MNN                          |
| 2         | 03           | 37 | VC0371      | Nguyễn Thị Thùy Trang | 06/3/1982             | Nữ        | Kiến Hưng, Hà Đông       | ĐH               | Tiếng Nga - Tiếng Anh + CCSP              | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Linh Đàm            | CĐCĐ         | MNN                          |
| 2         | 03           | 38 | VC0372      | Phạm Minh Trang       | 04/6/2001             | Nữ        | Nam Triều, Phú Xuyên     | ĐH               | Sư phạm Tiếng Anh                         | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Hoàng Liệt          |              | MNN                          |
| 2         | 04           | 1  | VC0373      | Phạm Thu Trang        | 28/5/2002             | Nữ        | Hà Nam                   | ĐH               | Sư phạm Tiếng Anh                         | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Hoàng Liệt          |              | MNN                          |
| 2         | 04           | 2  | VC0374      | Vũ Ngọc Trang         | 29/6/1997             | Nữ        | Ngũ Hiệp, Thanh Trì      | ĐH               | Ngôn ngữ Anh + CCSP                       | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Linh Đàm            |              | MNN                          |
| 2         | 04           | 3  | VC0375      | Trần Thị Trâm         | 20/5/1984             | Nữ        | Vĩnh Phúc                | ĐH               | Ngôn ngữ Anh, Sư phạm Địa lí              | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Đại Kim             | CTB          | MNN                          |
| 2         | 04           | 4  | VC0376      | Hàn Thị Vân           | 17/8/1996             | Nữ        | Đồng Mai, Hà Đông        | ĐH               | Sư phạm Tiếng Anh                         | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Linh Đàm            |              | MNN                          |
| 2         | 04           | 5  | VC0377      | Phạm Thúy Vân         | 14/4/1989             | Nữ        | Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì    | Ths              | Sư phạm Tiếng Anh                         | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Linh Đàm            |              | MNN                          |
| 2         | 04           | 6  | VC0378      | Đặng Hải Yến          | 04/02/1994            | Nữ        | Ngũ Hiệp, Thanh Trì      | ĐH               | Sư phạm Tiếng Anh                         | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Hoàng Liệt          |              | MNN                          |
| 2         | 04           | 7  | VC0379      | Phan Thị Yến          | 17/4/1998             | Nữ        | Hoàng Liệt, Hoàng Mai    | ĐH               | Sư phạm Tiếng Anh                         | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Linh Đàm            |              | MNN                          |
| 2         | 04           | 8  | VC0380      | Trần Thị Hải Yến      | 24/7/1997             | Nữ        | Hà Nam                   | ĐH               | Sư phạm Tiếng Anh                         | GV                     | Tiếng Anh             | THCS Đại Kim             |              | MNN                          |
| 2         | 04           | 9  | VC0381      | Nguyễn Hoàng Anh      | 02/01/1992            | Nữ        | Đồng Tâm, Hai Bà Trưng   | ĐH               | Công nghệ thông tin, Sư phạm Toán học     | GV                     | Tin                   | THCS Mai Động            |              |                              |

| Ca<br>thi số | Phòng<br>thi số | TT | Số báo<br>danh | Họ và tên             | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Hộ khẩu thường<br>trú    | Trình<br>độ<br>đào tạo | Ngành hoặc chuyên<br>ngành đào tạo | CDNN<br>đăng ký<br>thi tuyển | Môn đăng<br>ký thi<br>tuyển | Trường đăng ký<br>thi tuyển | Diện<br>ưu<br>tiên | Ghi chú<br>(Miễn thi<br>Ngoại ngữ) |
|--------------|-----------------|----|----------------|-----------------------|-----------------------------|--------------|--------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--------------------|------------------------------------|
| 2            | 04              | 10 | VC0382         | Nguyễn Tuấn Đạt       | 28/10/1987                  | Nam          | Kim Thư, Thanh Oai       | ĐH                     | Sư phạm Tin học                    | GV                           | Tin                         | THCS Đại Kim                |                    |                                    |
| 2            | 04              | 11 | VC0383         | Nguyễn Thị Thanh Hằng | 16/12/1999                  | Nữ           | Yên Sơn, Quốc Oai        | ĐH                     | Công nghệ thông tin + CCSP         | GV                           | Tin                         | THCS Đại Kim                |                    |                                    |
| 2            | 04              | 12 | VC0384         | Phạm Thị Thu Hiền     | 06/02/1993                  | Nữ           | Kim Đường, Ứng Hòa       | ĐH                     | Sư phạm Toán - Tin                 | GV                           | Tin                         | THCS Hoàng Liệt             |                    |                                    |
| 2            | 04              | 13 | VC0385         | Chu Thị Bích Hòa      | 11/7/1978                   | Nữ           | Nghĩa Tân, Cầu Giấy      | ĐH                     | ĐH Toán - Tin, CĐSP Toán - Tin     | GV                           | Tin                         | THCS Đại Kim                |                    |                                    |
| 2            | 04              | 14 | VC0386         | Đào Thúy Lan          | 28/6/1994                   | Nữ           | Xuân Canh, Đông Anh      | ĐH                     | Sư phạm Tin học                    | GV                           | Tin                         | THCS Vĩnh Hưng              |                    |                                    |
| 2            | 04              | 15 | VC0387         | Trần Thị Liên         | 30/8/1996                   | Nữ           | Tứ Hiệp, Thanh Trì       | ĐH                     | Sư phạm Tin học                    | GV                           | Tin                         | THCS Định Công              |                    |                                    |
| 2            | 04              | 16 | VC0388         | Ngô Thị Minh Ngọc     | 24/9/1985                   | Nữ           | Định Công, Hoàng Mai     | ĐH                     | Công nghệ thông tin + CCSP         | GV                           | Tin                         | THCS Định Công              |                    |                                    |
| 2            | 04              | 17 | VC0389         | Lê Minh Quỳnh         | 02/5/1997                   | Nữ           | Chương Dương, Hoàn Kiếm  | ĐH                     | Sư phạm Tin học                    | GV                           | Tin                         | THCS Thịnh Liệt             |                    |                                    |
| 2            | 04              | 18 | VC0390         | Nguyễn Thị Mai Trang  | 22/11/1983                  | Nữ           | Nguyễn Trãi, Thanh Xuân  | ĐH                     | Sư phạm Tin học                    | GV                           | Tin                         | THCS Hoàng Liệt             |                    |                                    |
| 2            | 04              | 19 | VC0391         | Lã Tuấn Anh           | 03/7/1993                   | Nam          | Vạn Phúc, Thanh Trì      | ĐH, Ths                | Sư phạm Toán học; Toán học         | GV                           | Toán                        | THCS Linh Đàm               |                    |                                    |
| 2            | 04              | 20 | VC0392         | Lê Thị Mai Anh        | 11/9/1995                   | Nữ           | Xuân Giang, Sóc Sơn      | Ths                    | Sư phạm Toán học                   | GV                           | Toán                        | THCS Đại Kim                |                    |                                    |
| 2            | 04              | 21 | VC0393         | Lương Hoàng Châm Anh  | 05/7/1995                   | Nữ           | Thanh Trì, Hoàng Mai     | ĐH                     | Sư phạm Toán học                   | GV                           | Toán                        | THCS Vĩnh Hưng              |                    |                                    |
| 2            | 04              | 22 | VC0394         | Ngô Thị Kim Anh       | 02/01/2001                  | Nữ           | Tam Hiệp, Thanh Trì      | ĐH                     | Sư phạm Toán học                   | GV                           | Toán                        | THCS Linh Đàm               |                    |                                    |
| 2            | 04              | 23 | VC0395         | Nguyễn Duy Anh        | 20/9/2000                   | Nam          | Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai | ĐH                     | Sư phạm Toán học                   | GV                           | Toán                        | THCS Linh Đàm               |                    |                                    |
| 2            | 04              | 24 | VC0396         | Nguyễn Hà Anh         | 22/11/2001                  | Nữ           | Hương Sơn, Mỹ Đức        | ĐH                     | Sư phạm Toán học                   | GV                           | Toán                        | THCS Linh Đàm               |                    |                                    |
| 2            | 04              | 25 | VC0397         | Nguyễn Nam Anh        | 17/10/1995                  | Nam          | Cổ Loa, Đông Anh         | ĐH, Ths                | Sư phạm Toán học: Toán ứng dụng    | GV                           | Toán                        | THCS Đại Kim                |                    |                                    |

*Handwritten signature*

| Ca<br>thi số | Phòng<br>thi số | TT | Số báo<br>danh | Họ và tên             | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Hộ khẩu thường<br>trú       | Trình<br>độ<br>đào tạo | Ngành hoặc chuyên<br>ngành đào tạo     | CDNN<br>đăng ký<br>thi tuyển | Môn đăng<br>ký thi<br>tuyển | Trường đăng ký<br>thi tuyển | Diện<br>ưu<br>tiên | Ghi chú<br>(Miễn thi<br>Ngoại ngữ) |
|--------------|-----------------|----|----------------|-----------------------|-----------------------------|--------------|-----------------------------|------------------------|----------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--------------------|------------------------------------|
| 2            | 05              | 1  | VC0398         | Nguyễn Thị Hải Anh    | 10/3/1994                   | Nữ           | Bắc Ninh                    | ĐH                     | Sư phạm Toán học                       | GV                           | Toán                        | THCS Đại Kim                |                    |                                    |
| 2            | 05              | 2  | VC0399         | Nguyễn Thị Minh Anh   | 02/3/2000                   | Nữ           | La Khê, Hà Đông             | ĐH                     | Sư phạm Toán                           | GV                           | Toán                        | THCS Mai Động               |                    |                                    |
| 2            | 05              | 3  | VC0400         | Nguyễn Thị Nguyệt Anh | 22/3/2001                   | Nữ           | Viên Nội, Ứng<br>Hòa        | ĐH                     | Sư phạm Toán học                       | GV                           | Toán                        | THCS Đại Kim                |                    |                                    |
| 2            | 05              | 4  | VC0401         | Nguyễn Thị Vân Anh    | 31/8/2000                   | Nữ           | Vạn Phúc, Thanh<br>Trì      | ĐH                     | Sư phạm Toán học                       | GV                           | Toán                        | THCS Linh Đàm               |                    |                                    |
| 2            | 05              | 5  | VC0402         | Nguyễn Vân Anh        | 15/5/2000                   | Nữ           | Mai Động,<br>Hoàng Mai      | ĐH                     | Sư phạm Toán                           | GV                           | Toán                        | THCS Linh Đàm               |                    |                                    |
| 2            | 05              | 6  | VC0403         | Phạm Thị Phương Anh   | 19/3/2001                   | Nữ           | Tam Hiệp, Thanh<br>Trì      | ĐH                     | Sư phạm Toán học                       | GV                           | Toán                        | THCS Đại Kim                |                    |                                    |
| 2            | 05              | 7  | VC0404         | Phan Hà Anh           | 20/10/2001                  | Nữ           | Phùng Xá, Mỹ<br>Đức         | ĐH                     | Sư phạm Toán học dạy<br>bằng Tiếng Anh | GV                           | Toán                        | THCS Đại Kim                |                    | MNN                                |
| 2            | 05              | 8  | VC0405         | Phan Thị Kiều Anh     | 24/8/2002                   | Nữ           | Nghĩa Tân, Cầu<br>Giấy      | ĐH                     | Sư phạm Toán học                       | GV                           | Toán                        | THCS Hoàng Liệt             |                    |                                    |
| 2            | 05              | 9  | VC0406         | Trần Phương Anh       | 06/5/1997                   | Nữ           | Ngũ Hiệp, Thanh<br>Trì      | ĐH                     | Sư phạm Toán học                       | GV                           | Toán                        | THCS Vĩnh Hưng              |                    |                                    |
| 2            | 05              | 10 | VC0407         | Trần Vân Anh          | 25/5/2000                   | Nữ           | Thổ Quan, Đống<br>Đa        | ĐH                     | Sư phạm Toán học                       | GV                           | Toán                        | THCS Linh Đàm               |                    |                                    |
| 2            | 05              | 11 | VC0408         | Trịnh Minh Anh        | 12/8/1992                   | Nữ           | Hương Sơn, Mỹ<br>Đức        | ĐH                     | Sư phạm Toán học                       | GV                           | Toán                        | THCS Linh Đàm               |                    |                                    |
| 2            | 05              | 12 | VC0409         | Lô Minh Ánh           | 07/7/1998                   | Nữ           | Nghệ An                     | ĐH                     | Sư phạm Toán học                       | GV                           | Toán                        | THCS Linh Đàm               | DTTS               |                                    |
| 2            | 05              | 13 | VC0410         | Nguyễn Ngọc Ánh       | 04/02/1999                  | Nữ           | Lĩnh Nam,<br>Hoàng Mai      | ĐH                     | Sư phạm Toán học                       | GV                           | Toán                        | THCS Vĩnh Hưng              |                    |                                    |
| 2            | 05              | 14 | VC0411         | Nguyễn Thị Ngọc Ánh   | 02/7/1994                   | Nữ           | Dương Nội, Hà<br>Đông       | ĐH,<br>Ths             | Sư phạm Toán; LLPP<br>dạy học Toán học | GV                           | Toán                        | THCS Đại Kim                |                    |                                    |
| 2            | 05              | 15 | VC0412         | Nguyễn Thị Ngọc Ánh   | 10/8/2001                   | Nữ           | Khuong Trung,<br>Thanh Xuân | ĐH                     | Sư phạm Toán học                       | GV                           | Toán                        | THCS Linh Đàm               |                    |                                    |
| 2            | 05              | 16 | VC0413         | Nguyễn Thị Ngọc Ánh   | 17/10/2002                  | Nữ           | Mai Động,<br>Hoàng Mai      | ĐH                     | Sư phạm Toán học                       | GV                           | Toán                        | THCS Mai Động               |                    |                                    |

| Ca thi số | Phòng thi số | TT | Số báo danh | Họ và tên           | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu thường trú       | Trình độ đào tạo | Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo                | CDNN đăng ký thi tuyển | Môn đăng ký thi tuyển | Trường đăng ký thi tuyển | Diện ưu tiên | Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ) |
|-----------|--------------|----|-------------|---------------------|-----------------------|-----------|--------------------------|------------------|------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------|------------------------------|
| 2         | 05           | 17 | VC0414      | Doãn Thị Như Bình   | 10/02/2002            | Nữ        | Phương Canh, Nam Từ Liêm | ĐH               | Sư phạm Toán học                               | GV                     | Toán                  | THCS Linh Đàm            |              |                              |
| 2         | 05           | 18 | VC0415      | Nguyễn Thanh Bình   | 18/4/2002             | Nữ        | Nguyễn Trãi, Thường Tín  | ĐH               | Sư phạm Toán học                               | GV                     | Toán                  | THCS Hoàng Liệt          |              |                              |
| 2         | 05           | 19 | VC0416      | Nguyễn Xuân Ca      | 30/9/2000             | Nam       | Thanh Cao, Thanh Oai     | ĐH               | Sư phạm Toán học (dạy Toán bằng Tiếng Anh)     | GV                     | Toán                  | THCS Linh Đàm            |              | MNN                          |
| 2         | 05           | 20 | VC0417      | Lê Tuấn Cường       | 26/9/1993             | Nam       | Tứ Hiệp, Thanh Trì       | ĐH, Ths          | Sư phạm Toán học; LLPP dạy học bộ môn Toán học | GV                     | Toán                  | THCS Hoàng Mai           |              |                              |
| 2         | 05           | 21 | VC0418      | Phạm Bá Đức Cường   | 14/01/2002            | Nam       | Dương Nội, Hà Đông       | ĐH               | Sư phạm Toán học                               | GV                     | Toán                  | THCS Linh Đàm            |              |                              |
| 2         | 05           | 22 | VC0419      | Phạm Việt Cường     | 07/5/2001             | Nam       | Thanh Liệt, Thanh Trì    | ĐH               | Sư phạm Toán học                               | GV                     | Toán                  | THCS Linh Đàm            |              |                              |
| 2         | 05           | 23 | VC0420      | Đặng Linh Chi       | 02/5/2001             | Nữ        | Quảng Ninh               | ĐH               | Sư phạm Toán                                   | GV                     | Toán                  | THCS Hoàng Liệt          |              |                              |
| 2         | 05           | 24 | VC0421      | Nguyễn Hà Chi       | 08/9/2001             | Nữ        | Đông Mỹ, Thanh Trì       | ĐH               | Sư phạm Toán học                               | GV                     | Toán                  | THCS Linh Đàm            |              |                              |
| 2         | 05           | 25 | VC0422      | Nguyễn Thị Linh Chi | 12/5/2002             | Nữ        | Vĩnh Hưng, Hoàng Mai     | ĐH               | Sư phạm Toán học                               | GV                     | Toán                  | THCS Linh Đàm            |              |                              |
| 2         | 06           | 1  | VC0423      | Phùng Thị Minh Chi  | 16/11/1998            | Nữ        | Trung Hưng, Sơn Tây      | ĐH               | Sư phạm Toán học                               | GV                     | Toán                  | THCS Linh Đàm            |              |                              |
| 2         | 06           | 2  | VC0424      | Trần Quỳnh Chi      | 07/9/2002             | Nữ        | Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng   | ĐH               | Sư phạm Toán học                               | GV                     | Toán                  | THCS Thanh Trì           |              |                              |
| 2         | 06           | 3  | VC0425      | Vũ Thị Linh Chi     | 06/9/2001             | Nữ        | Ninh Bình                | ĐH               | Sư phạm Toán học                               | GV                     | Toán                  | THCS Hoàng Mai           |              |                              |
| 2         | 06           | 4  | VC0426      | Nguyễn Bảo Chung    | 03/10/1998            | Nữ        | Bình Minh, Thanh Oai     | ĐH               | Sư phạm Toán học (dạy Toán bằng Tiếng Anh)     | GV                     | Toán                  | THCS Linh Đàm            |              | MNN                          |
| 2         | 06           | 5  | VC0427      | Hoàng Thị Chuyên    | 22/4/1995             | Nữ        | Hợp Tiến, Mỹ Đức         | Ths              | Toán học + CCSP                                | GV                     | Toán                  | THCS Đại Kim             |              |                              |
| 2         | 06           | 6  | VC0428      | Nguyễn Thị Hải Diệp | 11/12/1998            | Nữ        | Duyên Thái, Thường Tín   | ĐH, Ths          | Sư phạm Toán học; Toán học                     | GV                     | Toán                  | THCS Hoàng Liệt          |              |                              |

| Ca<br>thi số | Phòng<br>thi số | TT | Số báo<br>danh | Họ và tên             | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Hộ khẩu thường<br>trú      | Trình<br>độ<br>đào tạo | Ngành hoặc chuyên<br>ngành đào tạo | CDNN<br>đăng ký<br>thi tuyển | Môn đăng<br>ký thi<br>tuyển | Trường đăng ký<br>thi tuyển | Điện<br>ưu<br>tiên | Ghi chú<br>(Miễn thi<br>Ngoại ngữ) |
|--------------|-----------------|----|----------------|-----------------------|-----------------------------|--------------|----------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--------------------|------------------------------------|
| 2            | 06              | 7  | VC0429         | Nguyễn Tiến Duật      | 29/11/1987                  | Nam          | Tô Hiệu, Thường Tín        | ĐH                     | Sư phạm Toán học                   | GV                           | Toán                        | THCS Vĩnh Hưng              |                    |                                    |
| 2            | 06              | 8  | VC0430         | Đỗ Thùy Dung          | 15/5/1999                   | Nữ           | Mộ Lao, Hà Đông            | ĐH                     | Toán học + CCSP                    | GV                           | Toán                        | THCS Linh Đàm               |                    |                                    |
| 2            | 06              | 9  | VC0431         | Kim Thị Dung          | 07/9/1999                   | Nữ           | Ngọc Hồi, Thanh Trì        | ĐH                     | Sư phạm Toán học                   | GV                           | Toán                        | THCS Hoàng Liệt             |                    |                                    |
| 2            | 06              | 10 | VC0432         | Lê Thị Thùy Dung      | 08/9/1999                   | Nữ           | Cát Linh, Đống Đa          | ĐH                     | Sư phạm Toán học                   | GV                           | Toán                        | THCS Linh Đàm               |                    |                                    |
| 2            | 06              | 11 | VC0433         | Nghiêm Thị Thùy Dung  | 29/7/2001                   | Nữ           | Tuy Lai, Mỹ Đức            | ĐH                     | Sư phạm Toán học                   | GV                           | Toán                        | THCS Linh Đàm               |                    |                                    |
| 2            | 06              | 12 | VC0434         | Nguyễn Thanh Dung     | 22/5/1999                   | Nữ           | Lĩnh Nam, Hoàng Mai        | ĐH                     | Sư phạm Toán học                   | GV                           | Toán                        | THCS Vĩnh Hưng              |                    |                                    |
| 2            | 06              | 13 | VC0435         | Phan Thị Dung         | 28/6/1991                   | Nữ           | Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân | ĐH                     | Sư phạm Toán học                   | GV                           | Toán                        | THCS Lĩnh Nam               |                    |                                    |
| 2            | 06              | 14 | VC0436         | Tạ Thị Dung           | 04/11/1995                  | Nữ           | Văn Hoàng, Phú Xuyên       | ĐH                     | Sư phạm Toán học                   | GV                           | Toán                        | THCS Hoàng Liệt             |                    |                                    |
| 2            | 06              | 15 | VC0437         | Trần Thanh Dung       | 16/5/2000                   | Nữ           | Ngũ Hiệp, Thanh Trì        | ĐH                     | Sư phạm Toán học                   | GV                           | Toán                        | THCS Hoàng Liệt             |                    |                                    |
| 2            | 06              | 16 | VC0438         | Nguyễn Thị Duyên      | 03/4/1991                   | Nữ           | An Mỹ, Mỹ Đức              | ĐH                     | Toán học + CCSP                    | GV                           | Toán                        | THCS Linh Đàm               |                    |                                    |
| 2            | 06              | 17 | VC0439         | Lục Thanh Dự          | 22/8/1991                   | Nữ           | Tam Hiệp, Thanh Trì        | Ths                    | Toán học + CCSP                    | GV                           | Toán                        | THCS Đại Kim                |                    |                                    |
| 2            | 06              | 18 | VC0440         | Nguyễn Thanh Dương    | 02/9/1996                   | Nữ           | Hoàng Liệt, Hoàng Mai      | ĐH                     | Sư phạm Toán học                   | GV                           | Toán                        | THCS Tân Mai                |                    |                                    |
| 2            | 06              | 19 | VC0441         | Nguyễn Thị Thùy Dương | 21/10/1999                  | Nữ           | Nam Triều, Phú Xuyên       | ĐH                     | Sư phạm Toán học                   | GV                           | Toán                        | THCS Linh Đàm               |                    |                                    |
| 2            | 06              | 20 | VC0442         | Trần Khánh Dương      | 21/9/2002                   | Nữ           | Tân Lĩnh, Ba Vì            | ĐH                     | Sư phạm Toán học                   | GV                           | Toán                        | THCS Đại Kim                |                    |                                    |
| 2            | 06              | 21 | VC0443         | Lê Anh Đài            | 24/9/2001                   | Nam          | Đại Nghĩa, Mỹ Đức          | ĐH                     | Sư phạm Toán học                   | GV                           | Toán                        | THCS Tân Mai                |                    |                                    |
| 2            | 06              | 22 | VC0444         | Phạm Quang Đạt        | 11/02/1992                  | Nam          | Nam Định                   | ĐH, Ths                | Sư phạm Toán học; Ths Toán học     | GV                           | Toán                        | THCS Linh Đàm               |                    |                                    |

| Ca<br>thi số | Phòng<br>thi số | TT | Số báo<br>danh | Họ và tên                  | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Hộ khẩu thường<br>trú        | Trình<br>độ<br>đào tạo | Ngành hoặc chuyên<br>ngành đào tạo     | CDNN<br>đăng ký<br>thi tuyển | Môn đăng<br>ký thi<br>tuyển | Trường đăng ký<br>thi tuyển | Diện<br>ưu<br>tiên | Ghi chú<br>(Miễn thi<br>Ngoại ngữ) |
|--------------|-----------------|----|----------------|----------------------------|-----------------------------|--------------|------------------------------|------------------------|----------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--------------------|------------------------------------|
| 2            | 06              | 23 | VC0445         | Lê Thị Phương      Đông    | 29/3/1995                   | Nữ           | Hòa Bình,<br>Thường Tín      | ĐH                     | Sư phạm Toán học                       | GV                           | Toán                        | THCS Hoàng Liệt             |                    |                                    |
| 2            | 06              | 24 | VC0446         | Nguyễn Trung      Đức      | 16/10/2001                  | Nam          | Đại Xuyên, Phú<br>Xuyên      | ĐH                     | Sư phạm Toán học                       | GV                           | Toán                        | THCS Hoàng Liệt             |                    |                                    |
| 2            | 06              | 25 | VC0447         | Trần Minh      Đức         | 15/10/1998                  | Nam          | Tứ Hiệp, Thanh<br>Trì        | ĐH                     | Sư phạm Toán học                       | GV                           | Toán                        | THCS Hoàng Liệt             |                    |                                    |
| 2            | 07              | 1  | VC0448         | Chữ Lương      Giang       | 01/6/2000                   | Nữ           | Tứ Hiệp, Thanh<br>Trì        | ĐH                     | Sư phạm Toán học                       | GV                           | Toán                        | THCS Đại Kim                |                    |                                    |
| 2            | 07              | 2  | VC0449         | Lê Thị Lâm      Giang      | 07/9/1994                   | Nữ           | La Khê, Hà Đông              | ĐH                     | Sư phạm Toán học                       | GV                           | Toán                        | THCS Linh Đàm               |                    |                                    |
| 2            | 07              | 3  | VC0450         | Nguyễn Hương      Giang    | 06/8/2002                   | Nữ           | Thủy Xuân Tiên,<br>Chương Mỹ | ĐH                     | Sư phạm Toán học                       | GV                           | Toán                        | THCS Linh Đàm               |                    |                                    |
| 2            | 07              | 4  | VC0451         | Nguyễn Thị Trà      Giang  | 26/12/2002                  | Nữ           | Lam Điền,<br>Chương Mỹ       | ĐH                     | Sư phạm Toán học                       | GV                           | Toán                        | THCS Linh Đàm               |                    |                                    |
| 2            | 07              | 5  | VC0452         | Trịnh Thị Hương      Giang | 09/7/1996                   | Nữ           | Dân Hòa, Thanh<br>Oai        | ĐH,<br>Ths             | Sư phạm Toán học;<br>Toán giải tích    | GV                           | Toán                        | THCS Linh Đàm               |                    |                                    |
| 2            | 07              | 6  | VC0453         | Chu Thị      Hà            | 01/9/1995                   | Nữ           | Phùng Xá, Thạch<br>Thất      | ĐH                     | Sư phạm Toán học                       | GV                           | Toán                        | THCS Đại Kim                |                    |                                    |
| 2            | 07              | 7  | VC0454         | Dương Thu      Hà          | 27/12/1995                  | Nữ           | Phú Châu, Ba Vì              | Ths                    | Sư phạm Toán học                       | GV                           | Toán                        | THCS Hoàng Liệt             |                    |                                    |
| 2            | 07              | 8  | VC0455         | Nguyễn Thanh      Hà       | 06/6/1994                   | Nữ           | Đông Mỹ, Thanh<br>Trì        | ĐH                     | Sư phạm Toán học                       | GV                           | Toán                        | THCS Thanh Trì              |                    |                                    |
| 2            | 07              | 9  | VC0456         | Phạm Mỹ      Hà            | 13/3/2000                   | Nữ           | Nam Triều, Phú<br>Xuyên      | ĐH                     | Sư phạm Toán học                       | GV                           | Toán                        | THCS Hoàng Liệt             |                    |                                    |
| 2            | 07              | 10 | VC0457         | Phạm Thị      Hà           | 26/11/1995                  | Nữ           | Kiến Hưng, Hà<br>Đông        | Đh                     | Sư phạm Toán học                       | GV                           | Toán                        | THCS Đại Kim                |                    |                                    |
| 2            | 07              | 11 | VC0458         | Phạm Thị Thu      Hà       | 24/3/1997                   | Nữ           | Vĩnh Phúc                    | ĐH                     | Sư phạm Toán học                       | GV                           | Toán                        | THCS Hoàng Liệt             |                    |                                    |
| 2            | 07              | 12 | VC0459         | Trịnh Hải      Hà          | 17/11/2002                  | Nữ           | Xuân Mai,<br>Chương Mỹ       | ĐH                     | Sư phạm Toán học                       | GV                           | Toán                        | THCS Yên Sở                 |                    |                                    |
| 2            | 07              | 13 | VC0460         | Vũ Việt      Hà            | 25/3/1996                   | Nữ           | Uy Nỗ, Đông<br>Anh           | ĐH                     | Sư phạm Toán học; Sư<br>phạm Tiếng Anh | GV                           | Toán                        | THCS Mai Động               |                    | MNN                                |

| Ca<br>thi số | Phòng<br>thi số | TT | Số báo<br>danh | Họ và tên            | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Hộ khẩu thường<br>trú       | Trình<br>độ<br>đào tạo | Ngành hoặc chuyên<br>ngành đào tạo               | CDNN<br>đăng ký<br>thi tuyển | Môn đăng<br>ký thi<br>tuyển | Trường đăng ký<br>thi tuyển | Diện<br>ưu<br>tiên | Ghi chú<br>(Miễn thi<br>Ngoại ngữ) |
|--------------|-----------------|----|----------------|----------------------|-----------------------------|--------------|-----------------------------|------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--------------------|------------------------------------|
| 2            | 07              | 14 | VC0461         | Nguyễn Chí Hải       | 02/7/1987                   | Nam          | Đông Ngạc, Bắc<br>Từ Liêm   | Ths                    | Toán + CCSP                                      | GV                           | Toán                        | THCS Linh Đàm               |                    |                                    |
| 2            | 07              | 15 | VC0462         | Ngô Hồng Hạnh        | 02/12/1995                  | Nữ           | Tân Ước, Thanh<br>Oai       | ĐH,<br>Ths             | Sư phạm Toán học;<br>Toán học                    | GV                           | Toán                        | THCS Linh Đàm               |                    |                                    |
| 2            | 07              | 16 | VC0463         | Nguyễn Thu Hạnh      | 08/10/1999                  | Nữ           | Tứ Hiệp, Thanh<br>Trì       | ĐH                     | Sư phạm Toán                                     | GV                           | Toán                        | THCS Đại Kim                |                    |                                    |
| 2            | 07              | 17 | VC0464         | Trương Thị Minh Hạnh | 12/10/1993                  | Nữ           | Ninh Bình                   | ĐH                     | Sư phạm Toán học                                 | GV                           | Toán                        | THCS Lĩnh Nam               |                    |                                    |
| 2            | 07              | 18 | VC0465         | Nguyễn Thị Ngọc Hào  | 14/10/1995                  | Nữ           | Dũng Tiến,<br>Thường Tín    | ĐH,<br>Ths             | Sư phạm Toán học;<br>LLPP dạy học bộ môn<br>Toán | GV                           | Toán                        | THCS Linh Đàm               |                    |                                    |
| 2            | 07              | 19 | VC0466         | Bùi Thị Thu Hằng     | 30/8/1989                   | Nữ           | Hòa Bình                    | ĐH,<br>Ths             | Sư phạm Toán học;<br>Toán giải tích              | GV                           | Toán                        | THCS Vĩnh Hưng              | DTTS               |                                    |
| 2            | 07              | 20 | VC0467         | Dương Thu Hằng       | 27/10/1991                  | Nữ           | Hoàng Văn Thụ,<br>Hoàng Mai | ĐH                     | Sư phạm Toán học                                 | GV                           | Toán                        | THCS Linh Đàm               |                    |                                    |
| 2            | 07              | 21 | VC0468         | Lê Minh Hằng         | 27/02/1998                  | Nữ           | Đại Kim, Hoàng<br>Mai       | ĐH                     | Sư phạm Toán học                                 | GV                           | Toán                        | THCS Linh Đàm               |                    |                                    |
| 2            | 07              | 22 | VC0469         | Lê Thị Thúy Hằng     | 20/9/1999                   | Nữ           | Trần Phú,<br>Chương Mỹ      | ĐH                     | Sư phạm Toán học                                 | GV                           | Toán                        | THCS Mai Động               |                    |                                    |
| 2            | 07              | 23 | VC0470         | Nguyễn Thị Hằng      | 24/9/1997                   | Nữ           | Tây Tựu, Bắc Từ<br>Liêm     | ĐH                     | Sư phạm Toán học                                 | GV                           | Toán                        | THCS Hoàng Liệt             |                    |                                    |
| 2            | 07              | 24 | VC0471         | Nguyễn Thị Hằng      | 06/7/1994                   | Nữ           | Phù Lưu Tế, Mỹ<br>Đức       | ĐH                     | Sư phạm Toán học                                 | GV                           | Toán                        | THCS Vĩnh Hưng              |                    |                                    |
| 2            | 07              | 25 | VC0472         | Nguyễn Thị Thu Hằng  | 25/10/2002                  | Nữ           | Cao Viên, Thanh<br>Oai      | ĐH                     | Sư phạm Toán học                                 | GV                           | Toán                        | THCS Đại Kim                |                    |                                    |
| 2            | 08              | 1  | VC0473         | Nguyễn Thị Thúy Hằng | 02/10/1998                  | Nữ           | Vạn Phúc, Thanh<br>Trì      | ĐH                     | Sư phạm Toán học                                 | GV                           | Toán                        | THCS Linh Đàm               |                    |                                    |
| 2            | 08              | 2  | VC0474         | Phan Minh Hằng       | 30/8/1998                   | Nữ           | Hưng Yên                    | ĐH                     | Sư phạm Toán học                                 | GV                           | Toán                        | THCS Linh Đàm               |                    |                                    |
| 2            | 08              | 3  | VC0475         | Phan Thị Thúy Hằng   | 11/7/1997                   | Nữ           | Hà Hồi, Thường<br>Tín       | ĐH,<br>Ths             | Sư phạm Toán học;<br>Toán ứng dụng               | GV                           | Toán                        | THCS Hoàng Liệt             |                    |                                    |
| 2            | 08              | 4  | VC0476         | Trần Thu Hằng        | 14/01/1991                  | Nữ           | Lĩnh Nam,<br>Hoàng Mai      | ĐH,<br>Ths             | Sư phạm Toán; Hình học<br>và Tôpô                | GV                           | Toán                        | THCS Linh Đàm               |                    |                                    |

*Handwritten signature*

| Ca<br>thi số | Phòng<br>thi số | TT | Số báo<br>danh | Họ và tên            | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Hộ khẩu thường<br>trú       | Trình<br>độ<br>đào tạo | Ngành hoặc chuyên<br>ngành đào tạo               | CDNN<br>đăng ký<br>thi tuyển | Môn đăng<br>ký thi<br>tuyển | Trường đăng ký<br>thi tuyển | Diện<br>ưu<br>tiên | Ghi chú<br>(Miễn thi<br>Ngoại ngữ) |
|--------------|-----------------|----|----------------|----------------------|-----------------------------|--------------|-----------------------------|------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--------------------|------------------------------------|
| 2            | 08              | 5  | VC0477         | Vũ Thị Hằng          | 09/02/1994                  | Nữ           | Kim Bài, Thanh<br>Oai       | ĐH                     | Sư phạm Toán học                                 | GV                           | Toán                        | THCS Đại Kim                |                    |                                    |
| 2            | 08              | 6  | VC0478         | Đinh Thu Hiền        | 09/12/1988                  | Nữ           | Chúc Sơn,<br>Chương Mỹ      | ĐH                     | Sư phạm Toán                                     | GV                           | Toán                        | THCS Hoàng Mai              |                    |                                    |
| 2            | 08              | 7  | VC0479         | Lưu Thị Thu Hiền     | 10/11/2000                  | Nữ           | Kim Sơn, Gia<br>Lâm         | ĐH                     | Sư phạm Toán học                                 | GV                           | Toán                        | THCS Đại Kim                |                    |                                    |
| 2            | 08              | 8  | VC0480         | Nguyễn Thị Hiền      | 23/10/1998                  | Nữ           | Vân Tảo,<br>Thường Tín      | ĐH                     | Sư phạm Toán học                                 | GV                           | Toán                        | THCS Đại Kim                |                    |                                    |
| 2            | 08              | 9  | VC0481         | Nguyễn Thị Hiền      | 15/7/1986                   | Nữ           | Thanh Trì,<br>Hoàng Mai     | ĐH,<br>Ths             | Sư phạm Toán học;<br>Toán giải tích              | GV                           | Toán                        | THCS Linh Đàm               |                    |                                    |
| 2            | 08              | 10 | VC0482         | Nguyễn Thị Hiền      | 17/10/1992                  | Nữ           | Đại Kim, Hoàng<br>Mai       | ĐH                     | Sư phạm Toán học                                 | GV                           | Toán                        | THCS Đại Kim                |                    |                                    |
| 2            | 08              | 11 | VC0483         | Trần Thị Minh Hiền   | 08/01/2002                  | Nữ           | Hoàng Văn Thụ,<br>Chương Mỹ | ĐH                     | Sư phạm Toán học                                 | GV                           | Toán                        | THCS Định Công              |                    |                                    |
| 2            | 08              | 12 | VC0484         | Lê Trung Hiếu        | 27/10/2001                  | Nam          | Lĩnh Nam,<br>Hoàng Mai      | ĐH                     | Sư phạm Toán học                                 | GV                           | Toán                        | THCS Lĩnh Nam               |                    |                                    |
| 2            | 08              | 13 | VC0485         | Vũ Minh Hiếu         | 10/6/2001                   | Nam          | Phương Canh,<br>Nam Từ Liêm | ĐH                     | Sư phạm Toán học                                 | GV                           | Toán                        | THCS Hoàng Liệt             |                    |                                    |
| 2            | 08              | 14 | VC0486         | Đỗ Thị Hoa           | 25/5/1999                   | Nữ           | Thanh Hóa                   | ĐH                     | Sư phạm Toán học                                 | GV                           | Toán                        | THCS Đại Kim                |                    |                                    |
| 2            | 08              | 15 | VC0487         | Hoàng Thị Hoa        | 30/6/1992                   | Nữ           | Đại Thành, Quốc<br>Oai      | ĐH                     | Toán học + CCSP                                  | GV                           | Toán                        | THCS Tân Mai                |                    |                                    |
| 2            | 08              | 16 | VC0488         | Nguyễn Phương Hoa    | 26/5/1994                   | Nữ           | Thanh Cao,<br>Thanh Oai     | ĐH                     | Sư phạm Toán học                                 | GV                           | Toán                        | THCS Linh Đàm               |                    |                                    |
| 2            | 08              | 17 | VC0489         | Nguyễn Thị Mai Hoa   | 28/11/2001                  | Nữ           | Sen Phương,<br>Phúc Thọ     | ĐH                     | Sư phạm Toán học                                 | GV                           | Toán                        | THCS Đại Kim                |                    |                                    |
| 2            | 08              | 18 | VC0490         | Nguyễn Thị Thanh Hoa | 09/4/1992                   | Nữ           | Kiến Hưng, Hà<br>Đông       | ĐH                     | Sư phạm Toán học                                 | GV                           | Toán                        | THCS Đại Kim                |                    |                                    |
| 2            | 08              | 19 | VC0491         | Trần Thị Hoa         | 19/01/2002                  | Nữ           | Bắc Ninh                    | ĐH                     | Sư phạm Toán học                                 | GV                           | Toán                        | THCS Hoàng Liệt             |                    |                                    |
| 2            | 08              | 20 | VC0492         | Nguyễn Thị Hòa       | 25/12/1999                  | Nữ           | Khai Thái, Phú<br>Xuyên     | ĐH,<br>Ths             | Sư phạm Toán học;<br>LLPP dạy học bộ môn<br>Toán | GV                           | Toán                        | THCS Đại Kim                | CBB                |                                    |

| Ca thi số | Phòng thi số | TT | Số báo danh | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu thường trú      | Trình độ đào tạo | Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo     | CDNN đăng ký thi tuyển | Môn đăng ký thi tuyển | Trường đăng ký thi tuyển | Điện ưu tiên | Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ) |
|-----------|--------------|----|-------------|------------------------|-----------------------|-----------|-------------------------|------------------|-------------------------------------|------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------|------------------------------|
| 2         | 08           | 21 | VC0493      | Nguyễn Thị Hòa         | 06/3/1991             | Nữ        | Nam Định                | ĐH               | Sư phạm Toán học                    | GV                     | Toán                  | THCS Linh Đàm            |              |                              |
| 2         | 08           | 22 | VC0494      | Nguyễn Thị Minh Hòa    | 30/7/2002             | Nữ        | Tây Mỗ, Nam Từ Liêm     | ĐH               | Sư phạm Toán học                    | GV                     | Toán                  | THCS Vĩnh Hưng           |              |                              |
| 2         | 08           | 23 | VC0495      | Trương Thị Thanh Hòa   | 15/7/1997             | Nữ        | Vĩnh Hưng, Hoàng Mai    | ĐH, Ths          | Sư phạm Toán học; LLPP dạy học Toán | GV                     | Toán                  | THCS Thanh Trì           |              |                              |
| 2         | 08           | 24 | VC0496      | Đỗ Thị Hoài            | 29/12/1994            | Nữ        | Tân Lập, Đan Phượng     | ĐH               | Sư phạm Toán học                    | GV                     | Toán                  | THCS Linh Đàm            |              |                              |
| 2         | 08           | 25 | VC0497      | Trần Việt Hoàng        | 22/10/2001            | Nam       | Ngũ Hiệp, Thanh Trì     | ĐH               | Sư phạm Toán học                    | GV                     | Toán                  | THCS Linh Đàm            |              |                              |
| 2         | 08           | 26 | VC0498      | Nguyễn Thị Hồng        | 06/02/1995            | Nữ        | Đồng Quang, Quốc Oai    | ĐH               | Sư phạm Toán học                    | GV                     | Toán                  | THCS Đại Kim             |              |                              |
| 2         | 08           | 27 | VC0499      | Lê Phương Huệ          | 07/11/2001            | Nữ        | Đa Tốn, Gia Lâm         | ĐH               | Sư phạm Toán học                    | GV                     | Toán                  | THCS Linh Đàm            |              |                              |
| 2         | 08           | 28 | VC0500      | Vũ Thị Huệ             | 27/7/1997             | Nữ        | Châu Can, Phú Xuyên     | ĐH               | Sư phạm Toán học                    | GV                     | Toán                  | THCS Hoàng Liệt          |              |                              |
| 2         | 08           | 29 | VC0501      | Nguyễn Duy Hùng        | 21/7/2002             | Nam       | Bạch Đằng, Hai Bà Trưng | ĐH               | Sư phạm Toán học                    | GV                     | Toán                  | THCS Mai Động            |              |                              |
| 2         | 08           | 30 | VC0502      | Đặng Bảo Huy           | 18/01/1997            | Nam       | Duyên Thái, Thường Tín  | ĐH               | Sư phạm Toán học                    | GV                     | Toán                  | THCS Linh Đàm            |              |                              |
| 2         | 08           | 31 | VC0503      | Nguyễn Văn Huy         | 16/8/1995             | Nam       | Tân Tiến, Chương Mỹ     | ĐH               | Sư phạm Toán học                    | GV                     | Toán                  | THCS Linh Đàm            |              |                              |
| 2         | 08           | 32 | VC0504      | Bùi Thanh Huyền        | 15/11/2002            | Nữ        | Đại Mỗ, Nam Từ Liêm     | ĐH               | Sư phạm Toán học                    | GV                     | Toán                  | THCS Vĩnh Hưng           |              |                              |
| 2         | 08           | 33 | VC0505      | Đào Thị Thu Huyền      | 15/6/1989             | Nữ        | Đức Giang, Long Biên    | ĐH               | Sư phạm Toán học                    | GV                     | Toán                  | THCS Vĩnh Hưng           |              |                              |
| 2         | 08           | 34 | VC0506      | Nguyễn Thị Huyền       | 09/6/1993             | Nữ        | Dân Hòa, Thanh Oai      | ĐH               | Sư phạm Toán học                    | GV                     | Toán                  | THCS Linh Đàm            |              |                              |
| 2         | 08           | 35 | VC0507      | Nguyễn Thị Khánh Huyền | 17/02/1997            | Nữ        | Thịnh Liệt, Hoàng Mai   | ĐH               | Sư phạm Toán học                    | GV                     | Toán                  | THCS Đại Kim             |              |                              |
| 2         | 08           | 36 | VC0508      | Nguyễn Thị Khánh Huyền | 10/9/1999             | Nữ        | Minh Cường, Thường Tín  | ĐH               | Sư phạm Toán học                    | GV                     | Toán                  | THCS Vĩnh Hưng           |              |                              |

| Ca thi số | Phòng thi số | TT | Số báo danh | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu thường trú      | Trình độ đào tạo | Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo | CDNN đăng ký thi tuyển | Môn đăng ký thi tuyển | Trường đăng ký thi tuyển | Diện ưu tiên | Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ) |
|-----------|--------------|----|-------------|-----------------------|-----------------------|-----------|-------------------------|------------------|---------------------------------|------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------|------------------------------|
| 2         | 08           | 37 | VC0509      | Nguyễn Thu Huyền      | 02/9/1989             | Nữ        | Phủ Thượng, Tây Hồ      | ĐH               | Sư phạm Toán học, Ngôn ngữ Anh  | GV                     | Toán                  | THCS Tân Định            |              | MNN                          |
| 2         | 08           | 38 | VC0510      | Trần Khánh Huyền      | 20/9/1997             | Nữ        | Vạn Thái, Ứng Hòa       | ĐH, Ths          | Sư phạm Toán học; Toán ứng dụng | GV                     | Toán                  | THCS Linh Đàm            |              |                              |
| 2         | 09           | 1  | VC0511      | Nguyễn Đình Hưng      | 11/10/1994            | Nam       | Đại Áng, Thanh Trì      | ĐH               | Sư phạm Toán                    | GV                     | Toán                  | THCS Hoàng Liệt          |              |                              |
| 2         | 09           | 2  | VC0512      | Bùi Thanh Hương       | 31/01/1997            | Nữ        | Cổ Bi, Gia Lâm          | ĐH               | Sư phạm Toán học                | GV                     | Toán                  | THCS Hoàng Liệt          |              |                              |
| 2         | 09           | 3  | VC0513      | Đàm Mai Hương         | 10/12/1998            | Nữ        | Tiến Thịnh, Mê Linh     | ĐH               | Sư phạm Toán học                | GV                     | Toán                  | THCS Định Công           |              |                              |
| 2         | 09           | 4  | VC0514      | Hoàng Thị Thu Hương   | 02/7/1996             | Nữ        | Hữu Hòa, Thanh Trì      | ĐH               | Sư phạm Toán học                | GV                     | Toán                  | THCS Đại Kim             |              |                              |
| 2         | 09           | 5  | VC0515      | Hồ Thị Thu Hương      | 15/8/2000             | Nữ        | Đại Kim, Hoàng Mai      | ĐH               | Sư phạm Toán học                | GV                     | Toán                  | THCS Hoàng Liệt          |              |                              |
| 2         | 09           | 6  | VC0516      | Nguyễn Thị Hương      | 23/4/2002             | Nữ        | Minh Châu, Ba Vì        | ĐH               | Sư phạm Toán học                | GV                     | Toán                  | THCS Hoàng Mai           |              |                              |
| 2         | 09           | 7  | VC0517      | Nguyễn Thị Diệu Hương | 26/4/2002             | Nữ        | Tiên Phương, Chương Mỹ  | ĐH               | Sư phạm Toán                    | GV                     | Toán                  | THCS Linh Đàm            |              |                              |
| 2         | 09           | 8  | VC0518      | Nguyễn Thị Lan Hương  | 08/12/1999            | Nữ        | La Phù, Hoài Đức        | ĐH               | Sư phạm Toán học                | GV                     | Toán                  | THCS Linh Đàm            |              |                              |
| 2         | 09           | 9  | VC0519      | Nguyễn Thị Mai Hương  | 06/3/1997             | Nữ        | Minh Khai, Bắc Từ Liêm  | ĐH               | Sư phạm Toán học                | GV                     | Toán                  | THCS Hoàng Liệt          |              |                              |
| 2         | 09           | 10 | VC0520      | Nguyễn Thị Thu Hương  | 13/3/1997             | Nữ        | Tả Thanh Oai, Thanh Trì | ĐH               | Sư phạm Toán                    | GV                     | Toán                  | THCS Hoàng Liệt          |              |                              |
| 2         | 09           | 11 | VC0521      | Nguyễn Thị Thu Hương  | 01/11/1991            | Nữ        | Kiến Hưng, Hà Đông      | Ths              | Toán học + CCSP                 | GV                     | Toán                  | THCS Linh Đàm            |              |                              |
| 2         | 09           | 12 | VC0522      | Nguyễn Thùy Hương     | 11/9/2002             | Nữ        | Nguyễn Trãi, Hà Đông    | ĐH               | Sư phạm Toán học                | GV                     | Toán                  | THCS Hoàng Liệt          |              |                              |
| 2         | 09           | 13 | VC0523      | Phạm Ngọc Quỳnh Hương | 17/11/1997            | Nữ        | Sài Đồng, Long Biên     | ĐH               | Sư phạm Toán học                | GV                     | Toán                  | THCS Thịnh Liệt          |              |                              |
| 2         | 09           | 14 | VC0524      | Trần Thị Thu Hương    | 03/5/1993             | Nữ        | Trần Phú, Hoàng Mai     | ĐH               | Sư phạm Toán học                | GV                     | Toán                  | THCS Linh Đàm            |              |                              |

| Ca thi số | Phòng thi số | TT | Số báo danh | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu thường trú       | Trình độ đào tạo | Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo            | CDNN đăng ký thi tuyển | Môn đăng ký thi tuyển | Trường đăng ký thi tuyển | Điện ưu tiên | Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ) |
|-----------|--------------|----|-------------|------------------------|-----------------------|-----------|--------------------------|------------------|--------------------------------------------|------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------|------------------------------|
| 2         | 09           | 15 | VC0525      | Lục Quốc Khánh         | 27/10/1996            | Nam       | Tam Hiệp, Thanh Trì      | ĐH               | Sư phạm Toán học                           | GV                     | Toán                  | THCS Linh Nam            |              |                              |
| 2         | 09           | 16 | VC0526      | Nguyễn Minh Khuê       | 19/6/2001             | Nữ        | Đông Sơn, Chương Mỹ      | ĐH               | Sư phạm Toán học                           | GV                     | Toán                  | THCS Đại Kim             |              |                              |
| 2         | 09           | 17 | VC0527      | Nguyễn Thị Khuyên      | 30/12/1995            | Nữ        | Tà Thanh Oai, Thanh Trì  | ĐH               | Sư phạm Toán học                           | GV                     | Toán                  | THCS Mai Động            |              |                              |
| 2         | 09           | 18 | VC0528      | Nguyễn Thị Lan         | 19/11/1988            | Nữ        | Đông Lỗ, Ứng Hoà         | ĐH               | Sư phạm Toán học                           | GV                     | Toán                  | THCS Yên Sở              |              |                              |
| 2         | 09           | 19 | VC0529      | Hoàng Thị Lệ           | 24/7/1991             | Nữ        | Phượng Liệt, Thanh Xuân  | ĐH, Ths          | Sư phạm Toán học; Đại số và lý thuyết số   | GV                     | Toán                  | THCS Hoàng Liệt          |              |                              |
| 2         | 09           | 20 | VC0530      | Nguyễn Tiến Liên       | 15/11/1980            | Nam       | Tân Lập, Đan Phượng      | ĐH               | Sư phạm Toán học                           | GV                     | Toán                  | THCS Yên Sở              |              |                              |
| 2         | 09           | 21 | VC0531      | Đào Thị Yến Linh       | 26/01/2001            | Nữ        | Bát Tràng, Gia Lâm       | ĐH               | Sư phạm Toán học                           | GV                     | Toán                  | THCS Mai Động            |              |                              |
| 2         | 09           | 22 | VC0532      | Đinh Thị Diệu Linh     | 29/4/1997             | Nữ        | Phượng Dực, Phú Xuyên    | ĐH, Ths          | Sư phạm Toán học; LLPP dạy học bộ môn Toán | GV                     | Toán                  | THCS Đại Kim             |              |                              |
| 2         | 09           | 23 | VC0533      | Đoàn Nhật Linh         | 27/5/2002             | Nữ        | Kim Đường, Ứng Hòa       | ĐH               | Sư phạm Toán học                           | GV                     | Toán                  | THCS Linh Đàm            |              |                              |
| 2         | 09           | 24 | VC0534      | Hà Thị Khánh Linh      | 04/6/2001             | Nữ        | Kim An, Thanh Oai        | ĐH               | Sư phạm Toán học                           | GV                     | Toán                  | THCS Linh Đàm            |              |                              |
| 2         | 09           | 25 | VC0535      | Lê Thị Thùy Linh       | 06/12/2001            | Nữ        | Chúc Sơn, Chương Mỹ      | ĐH               | Sư phạm Toán học                           | GV                     | Toán                  | THCS Đại Kim             |              |                              |
| 2         | 09           | 26 | VC0536      | Lê Thị Thùy Linh       | 12/12/1996            | Nữ        | Xuân Phương, Nam Từ Liêm | Ths              | Sư phạm Toán học                           | GV                     | Toán                  | THCS Vĩnh Hưng           |              |                              |
| 2         | 09           | 27 | VC0537      | Lưu Thúy Linh          | 03/6/1998             | Nữ        | Lĩnh Nam, Hoàng Mai      | ĐH               | Sư phạm Toán học                           | GV                     | Toán                  | THCS Vĩnh Hưng           |              |                              |
| 2         | 09           | 28 | VC0538      | Nguyễn Đặng Thùy Linh  | 22/01/1997            | Nữ        | Đông Anh, Đông Anh       | ĐH               | Sư phạm Toán học                           | GV                     | Toán                  | THCS Linh Đàm            |              |                              |
| 2         | 09           | 29 | VC0539      | Nguyễn Tuấn Linh       | 20/9/1998             | Nam       | Dân Hòa, Thanh Oai       | ĐH, Ths          | Sư phạm Toán học; Toán giải tích           | GV                     | Toán                  | THCS Linh Đàm            |              |                              |
| 2         | 09           | 30 | VC0540      | Nguyễn Thị Phương Linh | 03/4/1995             | Nữ        | Vạn Phúc, Hà Đông        | ĐH               | Sư phạm Toán học; Ngôn ngữ Anh             | GV                     | Toán                  | THCS Đại Kim             |              | MNN                          |

*Handwritten signature*

| Ca<br>thi số | Phòng<br>thi số | TT | Số báo<br>danh | Họ và tên             | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Hộ khẩu thường<br>trú      | Trình<br>độ<br>đào tạo | Ngành hoặc chuyên<br>ngành đào tạo            | CDNN<br>đăng ký<br>thi tuyển | Môn đăng<br>ký thi<br>tuyển | Trường đăng ký<br>thi tuyển | Diện<br>ưu<br>tiên | Ghi chú<br>(Miễn thi<br>Ngoại ngữ) |
|--------------|-----------------|----|----------------|-----------------------|-----------------------------|--------------|----------------------------|------------------------|-----------------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--------------------|------------------------------------|
| 2            | 09              | 31 | VC0541         | Nguyễn Thị Thùy Linh  | 14/8/2002                   | Nữ           | Thái Bình                  | ĐH                     | Sư phạm Toán học (dạy<br>Toán bằng Tiếng Anh) | GV                           | Toán                        | THCS Linh Đàm               |                    | MNN                                |
| 2            | 09              | 32 | VC0542         | Nguyễn Thị Thúy Linh  | 16/02/1995                  | Nữ           | Tự Nhiên,<br>Thường Tín    | ĐH                     | Sư phạm Toán học                              | GV                           | Toán                        | THCS Linh Đàm               |                    |                                    |
| 2            | 09              | 33 | VC0543         | Nguyễn Thị Thùy Linh  | 31/10/1999                  | Nữ           | Tả Thanh Oai,<br>Thanh Trì | ĐH                     | Sư phạm Toán học                              | GV                           | Toán                        | THCS Tân Mai                |                    |                                    |
| 2            | 09              | 34 | VC0544         | Phạm Thùy Linh        | 12/9/1993                   | Nữ           | Tô Hiệu, Thường<br>Tín     | ĐH                     | Toán - Tin ứng dụng +<br>CCSP                 | GV                           | Toán                        | THCS Yên Sở                 |                    |                                    |
| 2            | 09              | 35 | VC0545         | Phan Thị Thùy Linh    | 10/6/1990                   | Nữ           | Hà Nam                     | ĐH                     | Sư phạm Toán học                              | GV                           | Toán                        | THCS Linh Đàm               |                    |                                    |
| 2            | 09              | 36 | VC0546         | Nguyễn Thị Thanh Loan | 23/9/1993                   | Nữ           | Thịnh Liệt,<br>Hoàng Mai   | ĐH,<br>Ths             | Sư phạm Toán học;<br>Toán học                 | GV                           | Toán                        | THCS Thịnh Liệt             |                    |                                    |
| 2            | 09              | 37 | VC0547         | Trần Thị Loan         | 18/01/1999                  | Nữ           | Tô Hiệu, Thường<br>Tín     | ĐH                     | Sư phạm Toán học                              | GV                           | Toán                        | THCS Linh Đàm               |                    |                                    |
| 2            | 09              | 38 | VC0548         | Nguyễn Hải Long       | 02/6/2002                   | Nam          | Hung Yên                   | ĐH                     | Sư phạm Toán học                              | GV                           | Toán                        | THCS Đại Kim                |                    |                                    |

Tổng danh sách 274 thí sinh (từ SBD: VC0275 đến VC0548)